I. TỔNG QUÁT

Công Quá Cách bắt nguồn từ đời Hán. Trong Thái Bình Kinh đời Đông Hán có thuật ngữ «Thiên khoán» 天 券 , coi như đồng nghĩa với «Thiên cách» 天 格, tức là «Thiên chi cách pháp» 天 之 格 法 . Trong Hán Dịch 漢 易 có cách xem ngày tốt xấu theo bát quái do Mạnh Khang 孟 康 giảng, và thuật ngữ Thiên khoán chịu ảnh hưởng của cách xem ngày này nhưng các đạo sĩ đã cải biến ý nghĩa mà thành cách ghi công và tội mà mỗi cá nhân đã làm hàng ngày. Vậy Công Quá Cách là một dạng bảng tự kiểm hàng ngày. [2] Thiện ngôn thiện hành gọi là công và được ghi vào công cách 功格 ; ác ngôn ác hành gọi là quá và được ghi vào quá cách 過 格 . Lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách 太 微 仙 君 功 過 格 [3] viết: «Tu Chân chi sĩ, minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, tự tri công quá đa quả» 修 真 之 士 , 明 書 日 月 , 自 記 功 過 , 自 知 功 過 多 寡 (Người tu chân mỗi ngày mỗi tháng phải ghi rõ công và tội của mình để tự biết công và tội ấy nhiều hay ít). Cũng theo lời tựa này, đời Kim 金 (1115-1234) năm Đại Định 大 定 Tân Mão 辛卯 (1171) (triều vua Thế Tông 世 宗), một đạo sĩ tên là Hựu Huyền Tử 又 玄 子 đã mộng du tử phủ [4] 紫 府, triều lễ Thái Vi Tiên Quân và nhận lĩnh yếu chỉ Công Quá Cách; khi tỉnh mộng, chấp bút viết thành sách này.

Chung Lữ Truyền Đạo Tập 鐘 呂 傳 道 集, [5] chương 18 - Luận Chứng Nghiệm 論 證 驗, viết: «Ư tử phủ triều kiến Thái Vi Tiên Quân, khế khám hương nguyên danh tính, hiệu lượng công hành đẳng thù, nhi ư Tam Đảo an cư, nãi viết chân nhân tiên tử" 於 紫 府 朝 見 太 微 仙 君, 契 勘 鄉 原 名 姓, 校 量 功 行 等 殊, 而 於 三 島 安 居, 乃 曰 真 人 仙 子 (Nơi cung tiên triều kiến Thái Vi Tiên Quân để được khám xét tên và nguyên quán có phù hợp chăng, rồi được xét công trạng đã làm vân vân, kế đến là an cư nơi ba đảo tiên, bấy giờ được gọi là thần tiên). [6]

Các học giả Nhật Bản, như Tửu Tỉnh Trung Phu 酒 井 忠 夫, Cát Cương Nghĩa Phong 吉 剛 義 豐, Thu Nguyệt Quan Ánh 秋 月 觀 映, cho rằng Thái Vi Tiên Chân Công Quá Cách có liên quan với Tịnh Minh Đạo 淨 明 道 vì giáo phái này yêu cầu đệ tử phải có cuốn sổ nhỏ, ghi chép những việc tội phước mỗi ngày để phản tỉnh mà tu dưỡng. Kinh Thái Thượng Linh Bảo Tịnh Minh Phi Tiên Độ Nhân Kinh Pháp 太 上 靈 寶 淨 明 飛 仙 度 人 經 法 của Tịnh Minh Đạo đời Nguyên dạy về Thập Giới 十 戒, thì giới thứ 3 yêu cầu mỗi người học đạo phải có một quyển nhật ký, gọi là nhật lục: «Nhật lục giả, sở dĩ tu kiểm thiện ác chi xứ» 日 錄 者 所 以 修 檢 善 惡 之 處 (Nhật lục là nơi tu dưỡng và kiểm điểm việc thiện ác của mình). Nó là «bất giáo chi sư dã, bất thuyết chi hữu dã, bất chiếu chi quân phụ, bất ước chi pháp độ» 不 教 之 師 也, 不 說 之 友 也, 不 詔 師 父, 不 約 之 法 度 (Người thầy không dạy, là người bạn không nói, là vua và cha không ra lệnh, là pháp độ không ấn định).

Nhưng cách tự ghi công và tội mà mình đã làm hàng ngày cũng rất phổ thông, đâu phải chỉ Tịnh Minh Đạo mới có. Cuối đời Đường đã có một bản Công Quá Cách khác gọi là Lữ Động Tân Thập Giới Công Quá Cách 呂 洞 賓十 誡 功 過 格. Lại có quyển Cảnh Thế Công Quá Cách 警 世 功 過 格 nữa. Như vậy Công Quá Cách có rất nhiều chủng loại. Phép tự kiểm bằng cách ghi ra sổ hoặc dùng hạt đậu (đậu vàng hoặc đỏ ghi việc thiện, đậu đen ghi việc ác) cũng là tập quán của Tống Nho. Tương truyền Phạm Trọng Yêm 范 仲 淹 (989-1052) và Tô Tuân 蘇 洵 (1009-1066) luôn có một cuốn công quá cách theo bên mình.

Chủ đề chính của Công Quá Cách vẫn là thiện ác báo ứng, một quan niệm hình thành vào thời Tiên Tần. Dịch Kinh, Văn ngôn 文 言 ở quẻ Khôn 坤, nói: «Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương» 積 善 之 家 , 必 有 餘 慶 ; 積 不 善 之 家 , 必 有 餘 殃 (Nhà nào tích thiện thì ắt có dư điều tốt lành; nhà

nào tích ác thì ắt có dư tai ương). Thái Bình Kinh 太平經, thiên Đại Công Ích Niên Thư Xuất Tuế Nguyệt Giới 大功益年書出歲月戒, nói: «Quá vô đại tiểu, Thiên giai tri chi, bạ sớ thiện ác chi tịch, tuế nhật nguyệt câu hiệu, tiền hậu trừ toán giảm niên. Kỳ ác bất chỉ, tiện kiến quỷ môn» 過無大小, 天皆知之, 薄疏善惡之籍, 歲日月拘校, 前後除算減年. 其惡不止, 便見鬼門 (Tội lỗi chớ kể lớn nhỏ, Trời đều biết cả và ghi chép vào sổ thiện ác, vào ngày [cuối] tháng [8] mỗi năm đều có sửa đổi chỉnh lý, [xem] trước sau [để] trừ bớt tuổi thọ. Nếu không dừng tội ác, kẻ gây ác phải vào cửa quỷ). [7] Tuy nhiên trong các chủng loại Công Quá Cách, việc thiện được tính theo đơn vị là công 功 (như cứu sống một người trọng bệnh thì tính là 10 công, chẩn tế những kẻ quan quả cô độc [8] một trăm quan tiền thì tính là một công, v.v.), việc ác được tính theo đơn vị là quá 過 (như hại tính mạng người khác thì tính là 100 quá, hại sinh mạng mỗi con chim muông cầm thú thì tính là 10 quá, v.v.). Công và quá còn nhân lên với số ngày và số đối tượng liên đới (người / vật) như tạo thuyền bè và bắc cầu giúp người qua sông miễn phí thì phí tổn cứ 100 quan tiền là một công và mỗi người lao động một ngày được 10 công.

II. THÁI VI TIÊN QUÂN CÔNG QUÁ CÁCH

Nội dung cơ bản của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách 太微仙君功過格 gồm hai loại chính: Công Cách 功格 (ghi điều thiện) và Quá Luật 過律 (ghi điều ác).

Công cách có 36 điều, chia làm 4 loại:

(1) Cứu Tế 救濟 (12 điều): nói về cứu bệnh nhân bằng y liệu châm cứu, giúp người khốn khó hoạn nạn bằng tài vật, tạo cầu sửa đường, chôn cất xác vô thừa nhận. Thí dụ, dùng thuốc và châm cứu trị người trọng bệnh (10 công); cứu người khỏi tội tử hình (100 công); chẩn tế những người quan quả cô độc (1 công cho mỗi 100 quan tiền); giúp người đói khát một miếng ăn miếng uống (1 công);

giúp người lỡ bước một chỗ ngủ ấm áp trong đêm giá rét (1 công); chôn cất xác vô thừa nhận (50 công), v.v.

(2) Giáo điển 教 典 (7 điều): nói về truyền thụ kinh sách và pháp tu. Thí dụ, tự chú soạn kinh sách hay phép tắc cứu người là 30 công, v.v

(3) Phần tu 焚 修 (việc hương khói và tu dưỡng, 5 điều): nói về việc kiến tạo miếu mạo, tượng thờ, các vật cúng dường. Thí dụ, tu bổ tượng thờ, điện thờ, cúng dường đồ khí mãnh, rèm trướng, bàn ghế và những vật dụng khác (1 công cho mỗi phí tổn 100 quan tiền); sớm chiều thắp nhang cầu an cho đất nước và bá tánh (mỗi lần 2 công) và cầu an cho mình (mỗi lần 1 công); vì dân vì nước vì tổ tiên quá vãng vì cô hồn vô chủ mà tụng kinh (một biến kinh lớn là 6 công, một biến kinh nhỏ là ba công), v.v.

(4) Dụng sự 用 事 (12 điều): nói về các loại việc thiện. Thí dụ, giảng dạy kinh sách khuyến thiện (cho mỗi 10 người thì được 1 công); lấy văn chương thi từ mà khuyến thiện (mỗi bài là 1 công); tiến cử người hiền tài đạo đức (tiến cử 1 người thì được 10 công); tán dương việc thiện của người (mỗi việc 1 công); ngăn chận việc ác của người (mỗi việc 1 công); khuyên người chớ bất liêm, bất hiếu, bất trinh, bất lương, bất nghĩa, bất thiện, bất từ, bất nhân (mỗi người hồi tâm tùng thiện thì ta được 1 công), v.v.

Quá luật có 39 điều, cũng chia làm 4 loại:

(1) Bất nhân 不 仁 (15 điều): nói những việc bất nhân như dùng độc dược hại người (10 quá); hại mạng người (100 quá); hại mạng chúng sinh thú cầm (10 quá); học bùa chú để hại người (10 quá); mưu hại người bị tử hình (mưu thành bị 100 quá, mưu bại bị 10 quá); nảy sinh lòng tà dâm (1 quá); nói lời độc ác đối với sư trưởng (10 quá), với người thiện (8 quá), với người bình thường (4 quá), với trẻ em hoặc kẻ dưới (1 quá), v.v.

(2) Bất thiện 不善 (8 điều): như bài xích hủy hoại tượng thờ chư thiên tôn (20 quá), chân nhân (15 quá), thần quân (10 quá); tụng niệm kinh sót một chữ (1 quá), sót một câu (5 quá), đọc sai âm một chữ (1 quá); đọc tụng thác loạn làm mất ý nghĩa một câu kinh (5 quá); đọc tụng mà không chuyên tâm lòng còn lo nghĩ việc khác (5 quá); đọc kinh không theo nghi thức (5 quá); đọc kinh mà phát sinh sân nộ (10 quá), v.v.

(3) Bất nghĩa 不義 (10 điều): như biết người hiền mà không tiến cử (1 quá), không bắt chước (1 quá); phản bội sư trưởng (50 quá); trộm cắp và dạy người trộm cắp (100 tiền ứng với 1 quá); mượn tiền không trả (100 tiền ứng với 1 quá); v.v.

(4) Bất quỹ 不軌 (không noi theo phép tắc, 6 điều): như điều răn thực nhục (ăn thịt): cố ý sát sinh mà ăn (6 quá), mua thịt ăn (3 quá); ăn nhầm thức ăn có thịt (3 quá); ăn thịt vào ngày phải ăn chay (10 quá); ăn thịt xong vào chùa nói điều thiện (10 quá); và điều răn ẩm tửu (uống rượu): uống rượu cùng mưu việc ác (mỗi thăng rượu 6 quá); uống rượu với kẻ bất lương (mỗi thăng 2 quá); vô cố uống rượu với thường nhân (mỗi thăng 1 quá); uống rượu trợ dâm (mỗi thăng 10 quá); uống rượu đến say vào ngày ăn chay hoặc uống xong vào chùa nói điều thiện (5 quá), v.v.

Trên đây là nội dung sơ lược của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách. Qua đó ta có thể thấy những luật định bao quát 3 phương diện: tư tưởng (ý), lời nói (khẩu), và hành vi (thân). Trong lời tựa của Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách, Hựu Huyền Tử nói: «Minh thư nhật nguyệt, tự ký công quá, nhất nguyệt nhất tiểu tỉ, nhất niên nhất đại tỉ. Tự tri công quá đa quả, dữ thượng thiên chân tư khảo hạch chi số chiêu nhiên tương khế.[...] Y thử hành trì, viễn ác thiên thiện, thành vi chân giới, khứ tiên bất viễn hỹ.» 明書日月, 自記功過, 一日一小比, 一年一大比. 自知功過多寡, 與上天真司考核之數昭然相契. [...] 依此行持, 遠惡遷善, 誠為真戒, 去仙不遠矣 (Viết rõ từng ngày từng tháng, tự ghi công và tội của mình,

một tháng thì tỉ lệ nhỏ, một năm thì tỉ lệ lớn. Tự biết công và tội của mình nhiều hay ít, và số liệu ấy ăn khớp rõ ràng với số liệu mà vị thần trên trời tra xét. [...] Cứ theo cách này mà hành trì, xa điều ác gần điều thiện, thành tâm làm theo những giới cấm chân chính này, thì thành tiên không xa vậy).

Nhưng Công Quá Cách có nhiều chủng loại. Ta có thể kể thêm Thập Giới Công Quá Cách, tương truyền là do Lữ Động Tân trứ tác.

III. THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH

Léon Wieger [9] cho rằng Thập Giới Công Quá Cách 十 戒 功 過 格 xuất hiện cuối đời Đường, nhưng theo Khanh Hy Thái, Thập Giới Công Quá Cách hấp thu nội dung tu dưỡng của Lý học gia đời Tống và Minh, như vậy ắt xuất hiện rất trễ tuy nhiên chẳng rõ vào thời điểm nào.

Thiện thư này bảo: «Học Đạo nãi thân tâm tính mệnh chi sự.[...] Dĩ thập giới định công quá.» 學 道 乃 身 心 性 命 之

IV. DỊCH THẬP GIỚI CÔNG QUÁ CÁCH [11]

1/ ĐỐI VỚI CHA MẸ [41 điều, 20 công - 21 quá].

CÔNG: Thương yêu hoà nhã với cha mẹ (mỗi ngày một công). Sớm tối hỏi han sức khoẻ (mỗi ngày một công). Khéo cư xử và lao động tốt để cha mẹ vui lòng (mỗi ngày một công). Tận tụy với cha mẹ (mỗi lần một công). Khi cha mẹ la rầy, khiêm cung lắng nghe, mà không cãi lại (1 công). Khuyên cha mẹ một điều ích lợi (3 công). Xoa dịu, an ủi cha mẹ (3 công). Chi tiêu rộng rãi cho cha mẹ (3 công). Dè dặt kín đáo khuyên cha mẹ sửa lỗi (10 công). Khuyên cha mẹ hành thiện (10 công). Thay mặt cha mẹ mà sửa chữa một lầm lỗi hoặc một món nợ (10 công). Yêu quí những gì cha mẹ yêu quí (một lần 10 công). Chăm sóc và canh chừng giấc ngủ khi cha mẹ bệnh (30 công). Chân thành chia sẻ sự khổ não của cha mẹ (50 công). Làm rạng rỡ danh tiếng cho cha mẹ (50 công). Chu đáo lo việc tang ma cha mẹ (50 công). Chịu đựng khi cha mẹ [vốn là người

nóng nảy] buồn bực cáu giận (100 công). Hoán cải cha mẹ cải ác vi thiện (100 công). Không trì hoãn việc mai táng cha mẹ (100 công). Ấn định một khoản tiền dự trữ để cúng giỗ cha mẹ hằng năm (1000 công cho mỗi 100 đồng bỏ ra).

QUÁ: Khiến cha mẹ không có con cháu nối dõi tông đường bằng cách tự hủy hoại thân thể do trụy lạc hoặc bị hành hình do phạm tội (100 quá). Làm lợi cho vợ con nhưng gây tổn hại cho cha mẹ (100 quá). Khâm liệm cha mẹ vội vã qua loa (100 quá). Trì hoãn quá lâu việc mai táng cha mẹ (100 quá). Khi cha mẹ đau ốm, không quan tâm chăm sóc (50 quá). Biêu riếu tội lỗi cha mẹ (50 quá). Không cảnh báo cho cha mẹ thấy trước điều lầm lỗi (30 quá). Xúi dục cha mẹ làm điều quấy (20 quá). Nóng giận và ngược đãi cha mẹ (20 quá). Khinh bỉ bạc đãi người mà cha mẹ quý trọng (10 quá). Chán ghét ghê tởm cha mẹ già yếu tật nguyền (10 quá). Mắng cha mẹ người khác để rồi cha mẹ mình bị người ta mắng lại (10 quá). Không phân chia tài sản cho cha mẹ (10 quá). Tranh chấp tài sản với cha mẹ (10 quá). Trách móc cha mẹ (10 quá). Mặt sưng mày sỉa với cha mẹ (10 quá). Khiến cha mẹ đau khổ (10 quá). Khiến cha mẹ vất vả khó nhọc (10 quá). Đi xa, để cha mẹ già một mình ở nhà (10 quá). Thiếu sót với cha mẹ (mỗi lần 10 quá). Không kính trọng và không quan tâm cha mẹ (mỗi ngày một quá). Ăn uống không dành phần cho cha mẹ (mỗi lần một quá).

2/ ĐỐI VỚI ANH EM [24 điều, 10 công - 14 quá]

Chú ý: Cư xử tốt với anh cùng cha khác mẹ, mỗi công sẽ được nhân đôi. Cư xử tốt với anh họ, mỗi công được nhân ba.

CÔNG: Yêu thương và tận tụy với anh/em (1 công/1 người). Chân thành hòa hợp và cộng tác với anh/em (1 công/1 người). Khuyên anh/em làm điều thiện, ngăn cản anh/em làm điều ác (1 công). Không nghe lời vợ hay tôi tớ mà nghịch với anh/em (10 công). Không cãi cọ với anh/em về công việc hằng ngày (10 công). Không giành lấy riêng cho mình những tài sản chung trong nhà (10 công).

Chịu phí tổn về tang ma/cưới hỏi của anh/em (50 công/1 người). Cưu mang anh/em bị sa sút túng bấn (50 công). Bằng cách nêu gương tốt và khuyên bảo, khiến cho anh/em trở nên tốt đẹp hơn (100 công).

QUÁ: Làm cho gia đình bất hòa, chia rẽ, kiện tụng giữa anh em (100 quá). Bạc đãi và xúc phạm em út (100 quá). Không cứu giúp anh/em lúc khốn khó (100 quá). Cản trở anh/em làm điều thiện, xúi giục làm điều ác (50 quá). Tranh chấp lợi lộc giữa anh em (10 quá). Nghe lời gièm pha của vợ hay tôi tớ mà chia rẽ anh em (10 quá). Hất hủi anh/em kém may mắn đến vay mượn (10 quá). Ganh tị với anh/em may mắn hơn mình (mỗi ngày 2 quá). Tỏ ra thói xấu với anh/em (1 quá). Không cho em những gì em cần (mỗi lần 1 quá). Lấy quá phần của mình lẽ ra được hưởng (giá trị cứ 100 quan thì tính 1 quá). Làm thinh khi thấy anh/em làm quấy (1 quá). Nói xấu về anh/em trước mặt người lạ (1 quá). Chú ý: Không đề cập chị em gái vì họ không ở lâu với gia đình. Các cô con gái được gả đi càng sớm càng tốt. Họ không có quyền thừa kế.12

3/ ĐỐI VỚI THÊ THIẾP 13 [15 điều, 6 công - 9 quá]

CÔNG: Chồng nhường nhịn, khiêm tốn đối với thê/thiếp (mỗi ngày 1 công). Cảnh báo cho họ biết những lỗi lầm (mỗi lần 1 công). Khéo xử để thiếp giữ phận thấp hơn thê (1 công). Cản trở vợ và con gái không cho đi rong chơi khỏi nhà (10 công). Khuyên bảo vợ trẻ biết tôn trọng cha mẹ chồng và sống hòa hợp với chị/em gái của chồng (50 công). Khuyên bảo vợ khéo cư xử (100 công).

QUÁ: Lúc nên danh phận và giàu có thì ruồng rẫy vợ (100 quá). Làm ngơ khi vợ thiếu sót bổn phận với cha mẹ chồng (100 quá). Coi trọng thiếp hơn thê (100 quá). Cho phép vợ này hà hiếp vợ kia (30 quá). Không nghe lời can gián đúng đắn của vợ (10 quá). Cho phép vợ đi rong chơi (10 quá). Để mặc thê thiếp chưởi nhau thô tục (5 quá). Để cho vợ kế hành hạ con của vợ quá cố (1 quá). Để cho thê thiếp bất hòa (mỗi ngày 1 quá).

4/ CHA VÀ CHÚ BÁC ĐỐI VỚI CON CHÁU [13 điều, 5 công - 8 quá].

CÔNG: Giúp con/cháu một ý kiến hay (mỗi lần 1 công). Ngăn cấm con/cháu làm quấy (mỗi lần 10 công). Ngăn cấm con/cháu trộm cắp (mỗi lần 30 công). Dạy con/cháu về đạo đức (mỗi lần 100 công).

QUÁ: Không dạy con/cháu biết bổn phận chủ yếu của chúng (100 quá). Cản trở sự học hành của chúng (50 quá). Xúi trẻ làm quấy (50 quá). Lợi dụng trẻ ngây thơ (30 quá). Dung túng con/cháu tập tành thói hư tật xấu (30 quá). Làm gương xấu cho chúng (10 quá). Con yêu con ghét (10 quá). Chưởi rủa đánh đập con cháu thay vì giáo dục chúng (2 quá).

5/ MÔN ĐỆ ĐỐI VỚI THẦY, BẰNG HỮU ĐỐI VỚI NHAU [17 điều, 10 công - 7 quá].

CÔNG: Tôn kính thầy và thực hành điều thầy dạy (mỗi ngày 1 công). Giao du với bạn tốt và duy trì sự kết giao này (mỗi ngày 1 công). Chia sẻ với bạn những gì mình có (giá trị cứ 100 quan tính 1 công). Gạt bỏ ngoài tai những xúi giục của bạn xấu (mỗi lần 1 công). Chia sẻ vui buồn với bạn (mỗi lần 1 công). Giữ lời hứa với nhau (mỗi lần 1 công). Dẫn dắt bạn về đường ngay lẽ phải (10 công). Khi trở nên giầu có không đoạn giao với bạn cũ thuở hàn vi (30 công). Thành tâm tưởng nhớ bạn quá cố (30 công). Trợ giúp bạn lúc bạn gặp nguy khó (100 công).

QUÁ: Từ chối giúp bạn khi mình có khả năng giúp được (50 quá). Từ chối giúp vợ con của bạn khi bạn qua đời hay đi xa (50 quá). Quên lãng thầy học, bạn quá cố, bạn sa cơ lỡ vận (50 quá). Vô cớ đoạn giao với bạn cũ (20 quá). Phê bình và chỉ trích thầy học về nhân cách và sự giảng huấn (10 quá). Yếu lòng nghe lời bạn xấu xúi dục làm quấy (3 quá). Nuốt lời hứa với bạn (1 quá).

6/ ĐỐI VỚI GIA NHÂN14 [16 điều, 8 công - 8 quá]

CÔNG: Chu cấp rộng rãi thực phẩm và y phục cần thiết cho họ (mỗi ngày 1 công). Động viên và an ủi họ trong công việc (mỗi lần 1 công). Tha thứ lỗi vặt của họ (mỗi lỗi 2 công). Chăm sóc họ lúc họ đau ốm (20 công). Tác thành cho tôi tớ kết hôn với nhau (20 công). Thuận cho tớ gái lấy chồng bên ngoài và cho của hồi môn (30 công). Mua trẻ nô lệ và trả nó về cha mẹ nó mà không đòi hỏi gì hết (cứ 100 quan giá mua tính 1 công). Giáo dục đạo đức cho tôi tớ (100 công).

QUÁ: Buộc tôi tớ phải sống độc thân [mà phục vụ chủ] (100 quá). Tra tấn làm què quặt tôi tớ (100 quá). Bán tớ gái cho kẻ muốn lợi dụng ả (100 quá). Thông dâm với tớ gái (20 quá). Thưởng phạt tôi tớ một cách bất công (20 quá). Vô cớ quát mắng tôi tớ (3 quá). Cư xử tàn nhẫn với tôi tớ (5 quá). Không chu cấp tôi tớ nhu yếu phẩm (mỗi ngày 1 quá).

7/ BÁC ÁI TỪ THIỆN [75 điều, 41 công - 34 quá]

CÔNG: Thu nhận người không nơi nương tựa (mỗi ngày 1 công). Cung cấp thực phẩm cho kẻ bị đói kém (1 công). Cho 10 người khát uống nước (1 công). Cấp y phục cho người thiếu mặc (giá trị y phục cứ 100 quan tính 1 công). Cho mượn đèn đóm (1 công). Cho mượn ô đi mưa/nắng (1 công). Phát thuốc miễn phí (1 công). Đưa giúp một lá thư giùm cho ai đến tay người nhận mà không đọc lén (1 công). Bố thí cho người nghèo (cứ 100 quan tính 1 công). Giúp kẻ tha hương [nghèo túng] được hồi hương (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công). Giúp vợ chồng người ta [vì hoàn cảnh phải xa nhau] được đoàn tụ (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công). Mùa đông cho kẻ hành khất bát canh nóng (1 công). Giúp người trong việc tang ma, cưới hỏi (cứ 100 quan tính 1 công). Đóng góp tiền để tạo tác hoặc bảo trì cầu cống, đường sá, đê điều, giếng nước (cứ 100 quan tính 1 công). Giúp khâm liệm và mai táng xác chết [vô thừa nhận] (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công). Cho người bát cháo trong muà đói kém hoặc lúc thời giá đắt đỏ [kinh tế khó khăn] (2 công). Cứu giúp người bị bệnh dịch (2 công). Giúp chuộc tội cho kẻ bị án (phí tổn cứ 100 quan tính

2 công). Giúp người lang thang một chỗ qua đêm (1 đêm 2 công). Khuyên người điều hay lẽ phải (3 công). Chữa lành một vết thương nhỏ cho ai (3 công). Chôn cất xương vô chủ (10 công). Bảo vệ sức khỏe / sinh mệnh người khác (10 công). Giúp người khác trong công việc (10 công). Giúp người khỏi bị sẩy thai (20 công). Cứu người khỏi tội hình (20 công). Chữa lành một bệnh nặng (30 công). Bố thí quan tài (30 công). Cho phép chôn cất người nghèo trong phạm vi đất đai của mình (30 công). Chẩn tế cô nhi và quả phụ (30 công). Đem lại công bằng cho người bị áp bức (từ 30 đến 100 công tùy trường hợp). Cứu tế người bị đại nạn (50 công). Giúp một người nghèo khổ (50 công). Tổ chức tang ma cho người nghèo (50 công). Cứu trẻ gái khỏi bị trấn nước 15 (50 công). Cứu sống ai (100 công). Khi không có con nối dõi thì nhận một con nuôi (100 công). Giúp người nghèo một vốn liếng cần thiết để kết hôn (100 công). Thu nhận trẻ bị bỏ rơi (100 công). Giúp vợ chồng con cái người khác đang ly tán được đoàn tụ (100 công). Giúp người nghèo có một nguồn lợi đáng kể (100 công).

QUÁ: Giết người (100 quá). Hại người cho đến tàn mạt lụn bại (100 quá). Trấn nước bé gái (100 quá). Phá gia cang người khác (100 quá). Làm cho người khác hư hỏng sa đọa (100 quá). Xâm phạm nghĩa trang của gia tộc người khác (100 quá). Phá hoại mộ phần người ta (100 quá). Cản trở, phá hoại hôn nhân người khác (100 quá). Pha chế độc dược (100 quá). Chỉ vẽ phương thuốc cho ai khiến họ phải tốn kém nhưng chẳng trị được hết bệnh (100 quá). Không cứu người khỏi cơn nguy khi mình có thể giúp (50 quá). Xúi giục, tán trợ việc trấn nước bé gái (50 quá). Xúi giục, tán trợ việc phá thai (50 quá). Do oán hận mà hãm hại gia đình người ta (50 quá). Quăng ném bừa bãi hài cốt đã bị khai quật ra ngoài đồng ruộng (50 quá). San bằng phần mộ người khác trong vùng đất của mình (50 quá). Đạp dẫm lên lúa người khác trồng (30 quá). Làm hư hoại cầu, phà, giếng nước công cộng (30 quá). Trừng phạt lầm người (30 quá). Có thể giúp mà không chịu giúp cô nhi quả phụ lúc hoạn nạn (30 quá). Có thể làm được mà không chịu minh oan cho

kẻ bị kết án sai (30 quá). Làm thầy thuốc mà chăm sóc bệnh nhân cẩu thả (20 quá). Không giúp kẻ bất hạnh (20 quá). Có thể làm được mà không chịu chỉ dạy cho người điều hay lẽ phải (10 quá). Xúc phạm người già, người tật nguyền, trẻ em (10 quá). Hớn hở mưu lợi từ sự bất hạnh của người khác (10 quá). Suốt một ngày làm cản trở giao thông tại đường nhỏ hẹp, bến phà, cầu kiều (10 quá). Quở trách người vô tội (3 quá). Đọc lén thư người khác (3 quá). Có trách nhiệm quản lý nhưng quản lý tồi nhân viên (3 quá). Uy hiếp, khủng bố người khác (3 quá). Cự tuyệt người nghèo đến xin giúp đỡ (2 quá). Gọi đích danh tên riêng của ai (2 quá). [16]

8/ THƯƠNG YÊU LOÀI VẬT [16 điều, 8 công - 8 quá]

CÔNG: Cứu một con vật vô dụng [như già yếu, bị giết](1 công). Cứu một côn trùng (1 công). Nuôi nấng chu đáo gia súc (mỗi ngày 1 công). Chôn xác một con vật bị chết (1 công). Vuốt ve xoa dịu một con vật đang bị đau đớn (1 công). Mua và phóng sinh các con vật nhỏ bị bắt giữ (phí tổn cứ 100 quan tính 1 công). Không ăn thịt trong một năm (5 công). Cứu một con vật có ích (10 công).

QUÁ: Xúi giết hoặc ngăn cản phóng sinh một con vật (100 quá). Sát sinh một con thú lớn để ăn thịt (100 quá). Sát sinh một con thú có ích (20 quá). Sát sinh một con thú vô dụng [như già yếu] (3 quá). Sát sinh một côn trùng (1 quá). Xông khói hủy hoại tổ hang thú vật hay côn trùng (3 quá). Nhốt giữ chim trong lồng (1 quá). Không thương xót một con vật bị đau đớn (1 quá).

9/ TỔNG QUÁT VIỆC THIỆN VÀ ÁC [40 điều, 12 công - 28 quá]

CÔNG: Khuyên người hành thiện (người được 1 công, mình được 1/2 công). Khuyến khích và giúp người hành thiện (người được 1 công, mình được 1/2 công). Khuyên ai đóng góp tiền làm việc thiện (cứ 300 quan tính 1 công). In ấn và truyền bá sách khuyến thiện (phí tổn in ấn cứ 100 quan tính 1 công). Tặng ai một bản kinh sách khuyến thiện (10 công). Trong công việc, làm tốt nhiệm vụ được giao (10 công). Khuyên một gia đình hướng thiện (30 công). Công

bố người tốt việc tốt (30 công). Xây dựng trường học cho bá tính (30 công /1 học sinh học ở đó). Giúp một người cải tà quy chính (50 công). Đề xướng một công trình công ích (100 công). Truyền bá tiểu sử những vị đạo đức, anh hùng (1000 công). Hoà giải một vụ xung đột, tranh chấp (3 công). Hoá giải một mối hận thù (5 công). Dàn xếp một vụ kiện tụng (5 công). Đốt bỏ sách đồi trụy (10 công). Cản ngăn sự đàm luận thô tục về phụ nữ (10 công). Lên án việc trấn nước trẻ gái (30 công). Cảnh báo một tội ác sắp xảy ra (30 công). Thuyết giảng về sự hòa thuận (50 công). Giảng về đạo hiếu (100 công).

QUÁ: Ngăn cản sự khuyến thiện (100 quá). Sàm báng người thiện lương (50 quá). Không hành thiện (5 quá). Khi có khả năng mà không động viên giúp đỡ ai cả (5 quá). Yểm tài người có công (5 quá). Là nguyên nhân khiến người khác tiếp tục lún sâu vào tội ác (5 quá). Tán tụng người quấy, khen kẻ tà đạo (5 quá). Dạy người làm ác (mỗi việc ác 1 quá, người xúi giục bị 2 quá). Xúi giục và tiếp tay người làm ác (mỗi người 1 quá). Gieo bất hòa, xúi giục kiện tụng (100 quá). Đỡ đầu trẻ lang thang để xúi chúng làm ác (100 quá). Khắc in và truyền bá sách đồi trụy (50 quá). Viết hồ sơ giấy tờ cho một vụ kiện càn quấy (50 quá). Viết giấy xác nhận ly hôn (50 quá). Tiến cử, giới thiệu kẻ vô đạo đức (30 quá). Bày vẽ cho người lề thói đồi bại (30 quá). Giao du với kẻ ác (mỗi lần 10 quá). Không an ủi kẻ đau khổ (1 quá). Không soi sáng cho kẻ u mê gây ác (1 quá

10/ TƯ TƯỞNG [12 điều, 6 công - 6 quá]

CÔNG: Quét sạch tư tưởng hắc ám ngay khi nó mới nảy sinh trong đầu (1 công). Luôn ăn ở đàng hoàng ngay cả khi không có mặt ai (mỗi ngày 1 công). Không làm những gì có thể kích thích tư tưởng hắc ám (mỗi ngày 1 công). Suy gẫm điều thiện/ác xảy ra cho người thể như cho mình (10 công). Trọn một tháng làm lành tránh ác (100 công cộng thêm số công của các việc thiện đã làm, coi như thưởng cho sự bền bĩ).

QUÁ: Nuôi dưỡng trong đầu những tư tưởng hắc ám suốt một ngày (30 quá). Muốn điều xấu xảy ra cho người (10 quá). Đắc ý hớn hở trước lỗi lầm kẻ khác (10 quá). Không tin vào đức hạnh của người khác (2 quá). Khoái trá nghĩ đi nghĩ lại một tư tưởng bẩn thỉu (mỗi lần 1 quá). Uất hận, hoặc có tư tưởng xấu nói chung (mỗi lần 1 quá). Lơ đãng khi đọc kinh hoặc cầu nguyện (mỗi lần 1 quá).

11/ HÀNH VI [19 điều, 10 công - 9 quá

CÔNG: Hoàn thành nhiệm vụ trong ngày (1 công). Hành động vì bổn phận, không vì cầu khen thưởng (2 công). Tự sửa được lỗi lầm khi được cảnh cáo (3 công). Noi gương tốt của ai (3 công). Không tìm cầu ân huệ của kẻ giàu sang quyền thế (5 công). Kiêng tránh những tham vọng ngông cuồng (20 công). Nhượng bộ người đức hạnh (20 công). Bền bĩ kiên trì hành thiện cho đến lúc đạt kết quả tốt đẹp (20 công). Chịu thiệt phần mình mà lợi cho người (50 công). Sống hòa thuận với người khác, không chấp nê những xúc phạm vụn vặt (100 công).

QUÁ: Mưu hại người (100 quá). Làm hại người để lợi về mình (50 quá). Sàm báng người đạo cao đức trọng (50 quá). Giành công về mình những điều thiện không do mình làm (30 quá). Núp bóng việc công để trục lợi riêng [như lợi dụng lạc quyên để bỏ túi riêng] (10 quá). Ngoan cố làm ác (3 quá). Cản trở không cho một việc thiện được thành tựu (1 quá). Hành động ích kỷ (1 quá). Từ chối không tán thành một việc đáng tưởng thưởng (1 quá).

12/ NGÔN NGỮ [18 điều, 5 công - 13 quá]

CÔNG: Nói năng thận trọng, dè dặt, trung thực (mỗi ngày 1 công). Nói lời lành và lời ấy giúp ích cho ai (10 công). Khuyến khích việc lành, bài bác việc ác, bằng cách giảng thuyết về lẽ thiện ác báo ứng, luật nhân quả (10 công). Chứng minh sự vô tội của một bị cáo (50 công). Giảng thuyết sách khuyến thiện (100 công).

QUÁ: Làm báo cáo láo, phúc trình sai lạc (100 quá). Nói báng bổ thánh thần (50 quá). Tiết lộ tật kín của ai (50 quá). Châm biếm về đức hạnh phụ nữ (50 quá). Gieo rắc bất hòa (30 quá). Nói lừa phỉnh ai (10 quá). Báng bổ việc thiện, đạo đức (10 quá). Đặt vè châm biếm ai (5 quá). Diễu cợt dáng vẻ bộ điệu của ai (3 quá). Thích nói về khuyết điểm của người khác (1 quá). Nói dối (1 quá). Nói chơi, nói tục (1 quá). Ba hoa lắm lời không thôi (1 quá).

13/ ĐỐI VỚI THÁNH THẦN [16 điều, 4 công - 12 quá]

CÔNG: Cúc cung phụng thờ thiên thần, địa thần, tổ tiên nơi từ đường (1 công). Lấy giấy có chữ lẫn trong đống rác mà đốt đi 17(1 công). Chi phí vào nơi đền miếu thờ phụng (cứ 100 quan tính 1 công). Khắc in và truyền bá lời dạy của thánh hiền (100 công).

QUÁ: Phê bình thánh hiền và chữ nghĩa của thánh hiền (100 quá). Phá hoại miếu mạo, đền chùa (50 quá). Hủy hoại kinh sách (20 quá). Nhục mạ thánh thần, tổ tiên (20 quá). Trích dẫn kinh sách để đùa cợt mua vui (10 quá). Gọi tên thần thánh để thề thốt gian dối (10 quá). Day về hướng Bắc [có sao Bắc Đẩu, nơi ngụ của chư thần] mà chưởi rủa, khạc nhổ, tiểu tiện (3 quá). Làm dơ bẩn giấy có chữ viết/in (3 quá). Làm dơ bẩn bếp lò và giếng nước [là nơi của Táo quân và chư thần] (1 quá). Tay bẩn chạm vào kinh sách (1 quá). Đêm tối để cho thân thể lõa lồ 18(1 quá).

14/ DỤC VỌNG VÀ TỰ CHỦ [15 điều, 8 công - 7 quá

CÔNG: Lịch sự, nghiêm trang (mỗi ngày 1 công). Không lì lợm, ngoan cố (1 công). Chịu đựng sự mâu thuẫn (1 công). Không nổi giận (3 công). Kiên trì, chịu khó (3 công). Tha thứ kẻ xúc phạm mình (3 công). Nhẫn nhịn sự công kích/chống đối (5 công). Cam chịu nghịch cảnh, không oán trách trời và người (10 công).

QUÁ: Cư xử thô lỗ cục súc (100 quá). Hay gây hấn với mọi người (30 quá). Phản kháng, cãi lại (10 quá). Càu nhàu phàn nàn khi có

lỗi hay thất vọng (5 quá). Cáu giận, quát tháo (5 quá). Thích lời nịnh bợ (1 quá). Khi say rượu chưởi bới/đánh đập người khác (1 quá).

15/ Y PHỤC VÀ ẨM THỰC [7 điều, 3 công - 4 quá]

CÔNG: Tri túc (mỗi ngày 1 công). Gom nhặt ngũ cốc rơi rớt trên mặt đất (1 công). Ăn không kén chọn/đòi hỏi thức ăn (1 công).

QUÁ: Mong muốn quá phận (10 quá). Mặc y phục vượt quá hoàn cảnh của mình (5 quá). Lãng phí ngũ cốc (1 quá). Hoang phí của cải, vật chất (1 quá).

16/ TÀI SẢN VÀ THƯƠNG NGHIỆP [31 điều, 14 công - 17 quá]

CÔNG: Trung thực trong kinh doanh (mỗi ngày 1 công). Chia lời lãi chính xác cho người hùn hạp kinh doanh (1 công). Trả lương đúng kỳ hạn cho nhân viên (1 công). Cho người hàng xóm mượn đồ nghề khi họ cần đến (1 công). Thừa nhận một khoản nợ mình đã vay hay một khoản tiền mà người khác gởi cho mình giữ giùm (cứ 100 quan tính 1 công). Xỏ xâu các quan tiền và đếm đúng (cứ 100 quan tính 1 công). Nộp thuế đủ và đúng hạn (cứ 100 quan tính 1 công). Không tăng giá lúa gạo / lương thực trong năm đói kém (cứ 100 quan tính 1 công). Bố thí xứng đáng cho người nghèo đang xin mình (cứ 100 quan tính 1 công). Nhận phải tiền giả bạc giả, thà chịu thiệt thòi phần mình chứ không chuyển sang người khác (cứ 100 quan tính 1 công). Cho mượn tiền không lấy lãi (cứ 200 quan tính 1 công). Cân đo đúng (10 công). Không truy bức một con nợ đang túng quẫn (10 công). Giúp một gia đình mắc nợ được phục hồi cơ nghiệp (100 công).

QUÁ: Làm tiền giả bạc giả (100 quá). Tiêu tán di sản tổ tiên (100 quá). Truy bức một con nợ đang túng quẫn (100 quá). Chiếm đất đai người khác (50 quá). Xúi giục người khác cờ bạc (10 quá). Cờ bạc bịp (cứ 100 quan ăn gian tính 1 quá). Cưỡng đoạt tiền của người khác (cứ 100 quan tính 10 quá). Trục lợi từ cảnh khốn cùng của người khác (cứ 100 quan tiền lời tính 10 quá). Trong năm đói

kém, bán lúa gạo cứa cổ thiên hạ (mỗi ngày 1 quá). Trong thanh toán, tính trội số tiền mà người ta phải trả (cứ 100 quan tính trội tính 5 quá). Không thừa nhận một khoản nợ mình đã vay hay một khoản tiền mà người khác gởi cho mình giữ giùm (cứ 100 quan tính 5 quá). Uy hiếp người ta phải bán rẻ cho mình một tài sản (cứ 100 quan tiền lời tính 5 quá). Chi trả cho người khác tiền giả, ngân phiếu giả, bạc giả (cứ 100 quan tính 3 quá). Cân đo dư khi thu vào, cân đo thiếu lúc bán ra (cứ 100 quan lời bất chính tính 1 quá). Trộm cắp hoặc gây thiệt hại cho người (cứ 100 quan tính 1 quá). Dùng sái tài năng trời phú cho mình [dùng tài năng vào việc bất chính] (mỗi lần 1 quá). Lén chiếm đoạt tài sản của người dù là cây kim cọng rạ (1 quá).

17/ GIỚI DÂM [38 điều, 16 công, - 22 quá]

CÔNG: Trải qua một ngày một đêm không tà ý (1 công). Không đọc dâm thư, không xem hình ảnh đồi trụy (1 công). Tránh né một cuộc gặp gỡ nguy hiểm [dẫn đến tà dâm] (1 công). Không kết giao kẻ dâm ác (1 công). Ngăn cản người khác thốt lời tục tĩu (3 công). Mạnh dạn nói về hậu quả của hạnh kiểm xấu, v.v. (mỗi lần 1 công). Không nhìn chòng chọc vào người đẹp (5 công). Xua đuổi kẻ xúi mình làm quấy (5 công). Ở nhà cư xử trang nghiêm với vợ (10 công). Cưỡng lại sự sa ngã cám dỗ (mỗi lần 10 công). Tôn trọng tớ gái (100 công). Tôn trọng một phụ nữ, không lợi dụng cô ta trong hoàn cảnh có thể lợi dụng được (100 công). Hủy bản khắc gỗ dùng in sách/ảnh đồi trụy (300 công). Viết bài đả kích sự dâm dục (300 công). Dìu dắt một thiếu nữ bỏ nhà đi hoang trở về với gia đình (300 công). Suốt đời không ngoại tình (1000 công).

QUÁ: Sáng tác dâm thư, vẽ hình tục tĩu (vô số quá). Do thông dâm mà ám sát/đầu độc một phụ nữ (1000 quá). Do phóng đãng mà phá nát gia cang (1000 quá). Xúi giục người phá thai (1000 quá). Thông dâm với tớ gái, gái góa, nữ tu (300 quá). Thông dâm với đàn bà đã từng trung trinh với chồng (100 quá). Thông dâm với phụ nữ mất

hạnh phúc [chăn gối] trong hôn nhân (50 quá). Cưỡng dâm tớ gái, vợ của tớ trai, vú em (100 quá). Qua đêm với gái điếm (10 quá). Ăn chơi sa đọa làm hủy hoại thân thể [hoặc mắc bệnh phong tình] đến nỗi cha mẹ không có cháu nối dõi (100 quá). Chứa gái điếm, dắt mối cho kẻ kê gian [19], công khai bảo bọc gái điếm hay gái bao (10 quá). Trong danh sách các tuồng hí kịch, cố ý lựa chọn các vở tuồng dâm đãng (10 quá). Ngắm nghía phụ nữ một cách đầy tà ý (5 quá). Bỡn cợt trơ trẽn về tính dục (5 quá). Tại nhà, quá phóng túng suồng sã với vợ (5 quá). Không kiêng cữ chuyện chăn gối vào các ngày giỗ cha mẹ (3 quá). Sở hữu và gìn giữ dâm thư, hình ảnh đồi trụy (mỗi ngày 1 quá). Đặt thơ vè tục tĩu (1 quá). Trong mùa nóng nực để thân thể lõa lồ cho thoải mái (1 quá). Nói lời tục tĩu (1 quá). Trên phố không nhường bước phụ nữ (mỗi lần 1 quá). Chưởi tục tớ gái (mỗi lần 1 quá).

TẠM KẾT

Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, và Công Quá Cách là ba thiện thư tối cổ và tiêu biểu của Đạo giáo. Ta nhận ra sự dung hợp luân lý tam giáo với lý luận của Đạo giáo về sinh mệnh (tu luyện thành tiên).

Công Quá Cách quá chú trọng vào sự tính toán chi li điểm số (công coi như điểm dương, quá coi như điểm âm), cuối cùng sự tổng kết điểm số sẽ đưa đến một phần thưởng hay hình phạt vô hình nào đó. Người tuân thủ Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, và Công Quá Cách dễ có xu hướng làm điều thiện để hưởng phúc lộc, trông chờ bách phúc biền trăn, thiên tường vân tập 百福 駢 臻 千 祥 雲 集 (trăm phúc cùng đến, ngàn may mắn tụ về).

Tuy nhiên đôi khi cái ranh giới thiện ác khó mà phân định rõ ràng. Một hành vi, một lời nói, hay một ý nghĩ không phải luôn được đánh giá (thiện/ ác) giống nhau trong sự nhận thức của từng người. Ở khía cạnh này, Công Quá Cách đã giải quyết được bằng cách nêu ra từng trường hợp cụ thể (thế này là thiện, thế kia là ác, thậm chí

được tính điểm là bao nhiêu nữa) nhưng những trường hợp ấy vẫn chưa được kể ra đầy đủ so với cuộc đời đa đoan phiền toái thiên hình vạn trạng.

CHÚ THÍCH

[1] Phần này chủ yếu dựa vào Khanh Hy Thái 卿 希 泰 chủ biên, Trung Quốc Đạo Giáo 中 國 道 教, Thượng Hải, 1996, quyển 2, trang 356-358, và Lý Cương 李 剛, Đạo Giáo Sinh Mệnh Luân Lyù 道 教 生 命 倫 理, Tứ Xuyên Nhân Dân xbx, 1994, tr. 158-164.

[2] Đạo Cao Đài cũng có cách ghi tương tự, gọi là Vô Ngã Kiểm 無 我 檢, tự kiểm mà tu dưỡng để tiến tới cảnh giới thuần chân vô ngã 純 真 無 我.

[3] Thuộc Đạo Tạng 道 藏 - Động Chân 洞 真 bộ, Giới Luật 戒 律 loại.

[4] Tử phủ 紫 府: cung trời (heaven), cung tiên (the palace of the genii). Mathews' Chinese-English Dictionary, Harvard University Press, 1971, mục từ 6954.

[5] Chung Lữ Truyền Đạo Tập 鐘 呂 傳 道 集 do Lữ Động Tân 呂 洞 賓 ghi chép lời của Chung Ly Quyền 鐘 離 權 truyền đạo cho mình dưới hình thức vấn đáp. Sách xuất hiện cuối đời Đường, gồm 18 luận đề, là một cổ thư về luyện đan hết sức quan trọng.

[6] Tam đảo (hoặc Tam Tiên Đảo 三 仙 島 hay Tam Hồ 三 壺) là ba đảo tiên ở Bột Hải 渤 海 (theo truyền thuyết), gồm Bồng Lai 蓬 萊, Phương Trượng 方 丈 và Doanh Châu 瀛 洲. Xưa kia Tần Thủy Hoàng 秦 始 皇 nghe lời mê hoặc của các phương sĩ như Từ Phất 徐 芾, Lô Sinh 盧 生, Hàn Chúng 韓 眾 và Hầu Công 侯 公 v.v , đã hoài công sai họ và biết bao đồng nam đồng nữ cùng hàng nghìn

người trai giới đem lễ vật vượt trùng dương tìm Bồng Lai Phương Trượng mà xin thần tiên thuốc trường sinh bất tử.

[7] Ngô Phong 吳 楓 chủ biên, Trung Hoa Đạo Học Thông Điển 中 華 道 學 通 典, Nam Hải Xuất Bản Công Ty, 1994, tr. 515 (Chú giải Thái Bình Kinh 太 平 經).

[8] Quan 鰥: kẻ góa vợ hoặc không vợ; quả 寡: kẻ góa chồng; cô 孤: trẻ mồ côi; độc 獨: người không con.

[9] Léon Wieger S.J., Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine, Hien-hien 獻 縣 (Hiến Huyện), 1927, tr. 579 (L'index des mérites et des démérites). Xem bản dịch phía sau.

[10] Lão Tử nói: «Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín» 信 言 不 美 美 言 不 信 (Lời đáng tin thì không hoa mỹ, lời hoa mỹ thì không đáng tin), Đạo Đức Kinh 道 德 經, chương 81. Khổng Tử nói: «Xảo ngôn lệnh sắc tiển hỹ nhân» 巧 言 令 色 鮮 矣 仁 (Kẻ nào lời nói hoa mỹ và bề ngoài kiểu cách ắt kém lòng nhân), Luận Ngữ 論 語, Học Nhi 學 而.

[11] Dịch theo bản Pháp văn của Léon Wieger, Sđd., tr. 579.

[12] Bản Công Quá Cách này vẫn không thoát khỏi quan niệm trọng nam khinh nữ cố hữu của Trung Quốc.

[13] Đây là bối cảnh xã hội Trung Quốc thời xưa theo chế độ đa thê.

[14] Trong xã hội Trung Quốc ngày xưa, người ta mua gia nhân tôi tớ (từ những gia đình nghèo) và thường buộc họ phải sống độc thân mà phục vụ chủ. Công Quá Cách khuyên chủ nhân phải cho tôi tớ sự tự do kết hôn, giúp họ có hạnh phúc riêng tư, chu cấp tớ gái (cho của hồi môn) khi lấy chồng. Đây là tư tưởng tiến bộ của Công Quá Cách, giải thoát cho gia nhân kiếp tôi đòi.

[15] Thói trọng nam khinh nữ khiến nhiều kẻ nhấn nước giết trẻ gái là con mình.

[16] Người Trung Quốc xưng hô bằng họ, gọi tên là khinh bỉ.

[17] Ý nói văn tự là phát minh tuyệt diệu của thánh hiền, truyền cho con người tri thức, sự thông minh, và đạo lý; xúc phạm văn tự (ném giấy có chữ vào đống rác hay đi vệ sinh) là có lỗi.

[18] Ý nói nơi nào dù nhà tối cũng có chư thần, để thân thể lõa lồ là xúc phạm thần linh.

[19] «Servir de proxénète à une prostituée, à un sodomite.» Kinh mà ghi rõ là sodomite kể cũng lạ.

(Lê Anh Minh khảo & dịch)